

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc Toàn**

2. Bà **Nguyễn Kim Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị K**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng năm 2005, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông H, bà K sống ly thân tháng 9 năm 2011 đến nay. Ông H và bà K không thể đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với bà K. Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có 02 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày

13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 bà K đang nuôi dưỡng. Ông H giao 02 con chung cho bà K nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2020 bị đơn bà Lê Thị K trình bày:

Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng năm 2005, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống bà K và ông H sống ly thân tháng 9 năm 2011 đến nay. Bà K đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 bà K đang nuôi dưỡng. Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H; Con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 cho bà Lê Thị K nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị K có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị K nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 04 tháng 11 năm 2020 ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị K có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà K là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng năm 2005, đến năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 26/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông H, bà K xác định trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông H, bà K sống ly thân tháng 9 năm 2011 đến nay. Ông H và bà K thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không

mang lại hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị K có 02 con chung là Nguyễn Hồng Ng, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 bà Lê Thị K đang nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H giao 02 con chung cho bà K nuôi dưỡng. Bà K yêu cầu nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ông H hoặc bà K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải xem xét đến nguyện vọng của con chung vì hiện nay cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 đã trên 07 tuổi, nên phải xem xét đến nguyện vọng của 02 cháu. Tại bản tự khai ngày 04/11/2020 nguyện vọng của cháu Nguyễn Hồng N, Nguyễn T là sống với bà Lê Thị K. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Nguyễn Hồng N, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 cho bà Lê Thị K trực tiếp nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, tự thỏa thuận; Nợ chung, không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H, ông H được ly hôn với bà Lê Thị K.

Về con chung: Giao Nguyễn Hồng N, sinh ngày 13/8/2006, Nguyễn T, sinh ngày 20/6/2008 cho bà Lê Thị K nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng. Ông H có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số

0012157 ngày 04/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân